TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NG** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST Ngày: 16 – 01 – 2024 V/v "Tranh chấp xin ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Sơn.

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Ng, huyện U, tỉnh C.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn M**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2023 nguyên đơn ông Trần văn L trình bày: Ông và bà Nguyễn M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh Nhều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, tính tình không hòa hợp, mặc dù gia đình đã hàn gắn Nhều lần nhưng không có kết quả. Ông và bà M đã ly thân hơn 21 năm nay. Nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn M.

Về con chung: Ông và bà M có 03 người con chung tên Trần Dương Nh, sinh năm 1992; Trần Yến Nh, sinh năm 1993 và Trần Hoàng Nh, sinh năm 1997.

Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà M vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà, ông L có mặt vẫn bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn L khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn M, địa chỉ: Khóm 1, thị trấn R, huyện Ng, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy Nhên ông Thuỳ vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà M tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần Văn L và bà Nguyễn M tự nguyện chung sống vào năm 1990, tuy Nhên không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, ông L xác định có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm nên hôn nhân không hạnh phúc, ông và bà M đã sống ly thân 21 năm nay. Xét thấy, việc ông L và bà M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định nên không được pháp luật thừa nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Trần Văn L và bà Nguyễn M là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông L và bà M có 03 người con chung tên Trần Dương Nh, sinh năm 1992; Trần Yến Nh, sinh năm 1993 và Trần Hoàng Nh, sinh năm 1997. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Trần Văn L phải nộp 300.000 đồng. Ông L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0020645 ngày 30 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn L và bà Nguyễn M là vợ chồng.

Về con chung: Ông L và bà M có 03 người con chung tên Trần Dương Nh, sinh năm 1992; Trần Yến Nh, sinh năm 1993 và Trần Hoàng Nh, sinh năm 1997. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Trần Văn L phải nộp 300.000 đồng. Ông L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0020645 ngày 30 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ng;
- Chi cục THADS huyện Ng;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND TT.R;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Dung